

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-PT
Ngày: 28-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và tranh chấp về hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Võ Việt Minh

Ông Lương Thanh Chín

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về hui*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lưu B, sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: Thôn S, xã MT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Thôn S, xã MT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1973

Địa chỉ cư trú: Thôn S, xã MT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị H.

Tất cả các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Lưu B trình bày:

Trước đây, bà Võ Thị H nhiều lần vay tiền của bà với số tiền vào các thời điểm khác nhau. Đến ngày 01/10/2020, vợ chồng bà H và bà thỏa thuận xác định số tiền mà vợ chồng bà H vay của bà là 435.400.000đồng; thời hạn đến ngày 10/01/2020, các bên không thỏa thuận lãi suất. Mặc dù, đến thời hạn bà B nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H, ông P phải trả số tiền còn nợ là 435.400.000đồng, nhưng đến nay vợ chồng bà H, ông P vẫn chưa thanh toán xong số tiền 435.400.000đồng. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà H, ông P phải trả số tiền nợ vay là 435.400.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/01/2020 cho đến nay, với mức lãi suất là 20%/năm.

Ngoài ra, vào ngày 01/01/2020, vợ chồng bà H, ông P và bà thỏa thuận xác nhận số tiền nợ hui mà bà H, ông P còn nợ bà B là 145.000.000đồng. Cho nên, bà yêu cầu bà H, ông P phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hui là 145.000.000đồng.

Bị đơn - bà Võ Thị H trình bày:

Năm 2018, bà có vay tiền của bà B nhiều lần với số tiền khác nhau, cụ thể vay vào ngày tháng nào thì bà H không nhớ. Đến ngày 01/01/2020 giữa bà H và bà B xác định là vợ chồng bà còn nợ lại của bà B số tiền 435.400.000đồng, trong đó tiền lãi là 96.000.000đồng. Sau khi chốt nợ thì đến ngày 18/01/2020, vợ chồng bà đã trả cho bà B được số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng. Hiện nay, vợ chồng bà chỉ còn nợ lại số tiền vay là 335.400.000đồng. Tuy nhiên, do trong số tiền còn nợ, bà B đã tính số tiền lãi là 96.000.000đồng nên bà xin bà B số tiền lãi đã cộng vào số tiền gốc.

Trước đây, bà có tham gia chơi hui do bà B làm chủ với nhiều chân hui và số tiền khác nhau. Sau đó, đến ngày 01/01/2020, vợ chồng bà chốt lại còn nợ bà B số tiền nợ hui là 145.000.000đồng. Sau khi chốt nợ thì vợ chồng bà đã trả cho bà B số tiền là 26.000.000đồng. Hiện nay chỉ còn nợ lại số tiền nợ hui là 119.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Đức P trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến của bà H. Ông xác định số tiền còn nợ của bà B là nợ chung của vợ chồng ông nên ông có trách nhiệm cùng trả nợ với bà H. Thế nhưng, trong thời gian vừa qua vợ chồng ông đã trả cho bà B được tổng số tiền là 126.000.000đồng nên bà B phải trừ nợ cho vợ chồng ông số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468, 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lưu B:

- Buộc bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đức P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ vay là 467.450.277đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 435.400.000đồng và tiền lãi là 32.050.277đồng.

Chia phần:

Bà Võ Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ vay là 233.725.138đồng.

Ông Nguyễn Đức P phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ vay là 233.725.138đồng.

- Buộc bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đức P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ hui là 145.000.000đồng.

Chia phần:

Bà Võ Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ hui là 72.500.000đồng.

Ông Nguyễn Đức P phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ hui là 72.500.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/11/2020, bị đơn— bà Võ Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Võ Thị H giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo theo hướng vợ chồng bà đã trả cho nguyên đơn 126.000.000đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lưu B không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đều thống nhất khai nhận: Vợ chồng bị đơn bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đức P nhiều lần vay tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lưu B, đến ngày 01/01/2020 (dương lịch), hai bên làm giấy xác nhận vợ chồng bà H, ông P còn nợ bà B 435.400.000đồng tiền vay, thỏa thuận đến ngày 10/01/2020 (dương lịch) trả dứt số tiền nợ này, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ngoài ra, trong giấy này vợ chồng bà H, ông P xác nhận còn nợ bà B 145.000.000đồng tiền huê hụi.

[2] Tuy nhiên, vợ chồng bà H, ông P chỉ đồng ý trả cho bà B 335.400.000đồng nợ tiền vay gốc và 119.000.000đồng nợ tiền huê hụi. Vì sau khi làm giấy thỏa thuận vào ngày 01/10/2020, đến ngày 18/01/2020, vợ chồng ông, bà đã trả cho bà B 100.000.000đồng tiền vay và 26.000.000đồng tiền nợ huê.

[3] Vợ chồng bà H, ông P khai đã trả nợ như trên nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; Trong khi đó, bà B không thừa nhận có việc trả một phần nợ như lời khai của vợ chồng bà H, ông P. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đức P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B 435.400.000đồng tiền nợ vay và 145.000.000đồng tiền nợ huê hụi; Đồng thời buộc vợ chồng bà H, ông P trả lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền vay chậm trả 435.400.000đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Tuy nhiên, bản án sơ thẩm có một số thiếu sót, cụ thể:

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đều thống nhất khai nhận ngày viết giấy nhận nợ 01/01/2020 và ngày hẹn trả nợ 10/01/2020 được ghi trong “Giấy mượn tiền” đều là ngày dương lịch. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi kể từ ngày 10/01/2020 (dương lịch) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và chấp nhận yêu cầu tính lãi bắt đầu từ ngày 10/01/2020 (âm lịch) tức ngày 03/02/2020 (dương lịch) là không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không có ý kiến gì và chấp nhận thời điểm bắt đầu tính lãi như bản án sơ thẩm.

[4.2] Về tính án phí: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận ở mức 10%/năm, nhưng không tuyên buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận là không đúng quy định khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4.3] Về việc tuyên lãi suất chậm thi hành án: Vợ chồng bị đơn nhiều lần vay tiền của nguyên đơn, đến ngày 01/01/2020 (dương lịch), hai bên làm giấy xác nhận vợ chồng bị đơn còn nợ nguyên đơn 435.400.000đồng tiền vay, thỏa thuận đến ngày 10/01/2020 (dương lịch) trả dứt số tiền nợ này. Ngoài ra, trong giấy này vợ chồng bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 145.000.000đồng tiền huê hụi. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên lãi suất chậm thi hành án tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4.4] Xét thấy các thiếu sót trên của cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và các đương sự không có ý kiến gì tại cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, chỉ cần điều chỉnh lại cho phù hợp, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị H là không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Linh.

Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468, 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lưu B:

- Buộc bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đức P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ vay là 467.450.277đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 435.400.000đồng và tiền lãi là 32.050.277đồng. Chia phần: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Đức P mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ vay là 233.725.138đồng.

- Buộc bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đức P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ hui là 145.000.000đồng. Chia phần: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Đức P mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lưu B số tiền nợ hui là 72.500.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Buộc bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đức P phải liên đới nộp 22.698.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp vay tài sản và 7.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hui.

- Buộc bà Võ Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004410 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà Võ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Lưu B 13.608.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004626 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện T.Linh;
- VKSND huyện T.Linh;
- Chi cục THADS huyện T.Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái